

NHỮNG YẾU TỐ QUAN TRỌNG HÌNH THÀNH, THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA ĐÀI LOAN VÀO VIỆT NAM

TRẦN HOÀNG LONG*

Kể từ khi Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước, mở cửa kêu gọi đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp Đài Loan với khả năng nắm bắt và tận dụng thời cơ linh hoạt, đã sớm có mặt trên thị trường Việt Nam. Hiện nay, Đài Loan trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất trong số các nước và vùng lãnh thổ tại Việt Nam. Để lý giải thành tựu nêu trên, trong bài viết này chúng tôi đi sâu vào phân tích những yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với quá trình hình thành và mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư giữa Đài Loan và Việt Nam.

1. Đôi nét về tình hình đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam

Theo Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ kế hoạch và Đầu tư, tổng số dự án của Đài Loan đầu tư vào Việt Nam với 1.409 dự án, tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng 8 tỷ USD. Trên thực tế, số vốn đầu tư trực tiếp của Đài Loan đầu tư vào Việt Nam lớn hơn nhiều, bởi vì có một lượng vốn của các doanh nhân Đài Loan được đầu tư vào Việt Nam thông qua nền kinh tế thứ ba. Nếu tính cả số này, tổng số vốn doanh nghiệp Đài Loan đổ vào Việt Nam có thể lên tới khoảng 10 tỷ USD. Theo Báo Đầu tư, cứ 4 dự án nước ngoài tại Việt Nam, thì có một dự án của Đài Loan, có 5 USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, thì 1 USD là của các thương gia Đài Loan. Hiện nay, Đài Loan đã đầu tư vào 43 tỉnh, thành trong cả nước, trong đó tập trung chủ yếu ở Bình Dương,

Đồng Nai, TPHCM, Hải Phòng, Long An, Bà Rịa- Vũng Tàu.v.v. Các doanh nghiệp Đài Loan có mặt trên hầu khắp các lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam bao gồm công nghiệp chế biến thực phẩm, dệt, may mặc, đóng giày, sản xuất xi măng, lắp ráp thiết bị điện tử, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ, khách sạn, ngân hàng, sản xuất xe máy, thép.v.v. Như vậy, Đài Loan là đối tác đầu tư lớn nhất về số lượng dự án và vốn đầu tư trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

2. Bối cảnh quốc tế và tình hình khu vực

Vào nửa cuối thập kỷ 1980 của thế kỷ XX, tình hình quốc tế đã có những biến đổi sâu sắc. Chiến tranh Lạnh kết thúc, hệ thống XNCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã, xu hướng toàn cầu hoá mở cửa hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế phát triển sâu rộng. Đây là một xu thế khách quan, diễn ra với tốc độ nhanh đưa đến cả cơ hội và thách thức cho các nước phát triển và đang phát triển. Hơn nữa, Đài Loan và Việt Nam cùng nằm trong một khu vực được đánh giá là năng động và phát triển mạnh mẽ nhất của thế giới trong nửa đầu thế kỷ XXI. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nước Đông Á (bao gồm các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á) đặt ra một nhu cầu cao về hợp tác khu vực cũng như một đòi hỏi tự thân đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực, trong đó có Đài Loan và Việt Nam. Nằm trong khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao thì kinh tế đối ngoại sẽ phát triển nhanh

* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

và thúc đẩy hợp tác kinh tế trong khu vực, kể cả hợp tác song phương và đa phương sẽ diễn ra rất mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Nhằm thích ứng với xu thế này, các quốc gia và vùng lãnh thổ đều đưa ra những giải pháp nhằm tranh thủ cơ hội, giảm thiểu

thách thức để phát triển kinh tế. Trong bối cảnh đó, cả Việt Nam và Đài Loan đều không muốn nằm ngoài cuộc, bắt buộc phải tăng cường mức độ mở cửa, tích cực hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo nước và vùng lãnh thổ 1988- 2006

(Đơn vị : USD)

STT	Nước, vùng lãnh thổ	Số dự án*	TVĐT	Vốn pháp định
1	Đài Loan	1.523	7.943.642.405	3.470.387.744
2	Singapore	425	7.887.422.121	2.926.027.867
3	Nhật Bản	677	6.823.029.738	3.107.903.239
4	Hàn Quốc	1.183	5.945.597.259	2.492.797.549
5	Hồng Kông	368	4.404.178.576	1.707.521.603
6	Anh	269	3.115.714.025	1.222.304.424
7	Pháp	173	2.192.798.927	1.333.318.737
8	Hà Lan	69	2.101.255.210	1.273.323.674
9	Hoa Kỳ	289	1.994.038.897	1.156.545.293
10	Malaysia	194	1.624.568.666	752.190.456

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chú thích: * Chỉ tính các dự án còn hiệu lực tính tới ngày 30/7/2006

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế thế giới gần đây cho thấy, một số trung tâm kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU.v.v. đang phục hồi theo chiều hướng tốt và như vậy sẽ có lợi cho sự phát triển kinh tế thế giới, khu vực và các nước hay vùng lãnh thổ có mức độ mở cửa cao như Việt Nam và Đài Loan.

Mặt khác, dù vẫn có những nhân tố tiềm ẩn nguy cơ, nhưng tình hình Đông Á nói chung, Đông Nam Á nói riêng là tương đối ổn định. Như vậy, khả năng liên kết khu vực trong Đông Nam Á (khu vực mậu dịch tự do ASEAN-AFTA) và giữa Đông Nam Á với

Đông Bắc Á (ASEAN+1, ASEAN+3) sẽ tương đối thuận lợi. Trong xu thế nói trên, việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc được coi là cơ hội đầu tư tốt cho các doanh nghiệp bên ngoài, trong đó có Đài Loan đến khu vực này làm ăn buôn bán.

Sự phát triển nhanh và liên tục của nền kinh tế Trung Quốc trong thời gian qua cùng với chiến lược phát triển sau Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tạo ra thời cơ thuận lợi cho các doanh nghiệp Đài Loan đến Việt Nam đầu tư và kinh doanh. Trong

các nhân tố hay chiến lược nêu trên đáng chú ý nhất là: Thứ nhất, Trung Quốc gia nhập WTO và dành cho Việt Nam quy chế tối huệ quốc. Trung Quốc gia nhập WTO- điều đó có nghĩa là “một cánh cổng lớn” đi vào một thị trường lớn, gần gũi đã được mở ra cho các doanh nghiệp nước ngoài khi đến đầu tư ở Việt Nam. Thứ hai, việc Trung Quốc tích cực triển khai chiến lược “Đại khai phá miền Tây” và khả năng hình thành các hành lang kinh tế xuyên quốc gia nối liền Côn Minh và Nam Ninh, Trung Quốc với các tỉnh, thành phố Việt Nam sẽ mang đến cơ hội mới cho các doanh nghiệp khi tiếp cận thị trường Tây Nam- Trung Quốc rộng lớn với khoảng 350 triệu dân. Thứ ba, do sức ép của Mỹ, Nhật và một số nước phương Tây đòi Trung Quốc phải nâng giá đồng Nhân dân tệ, giá hàng Trung Quốc sẽ tăng lên. Đây là cơ hội cho hàng hoá các nước trong khu vực và Việt Nam phát huy được lợi thế cạnh tranh của mình khi xuất khẩu ra bên ngoài.

3. Những điểm tương đồng

Đài Loan và Việt Nam có ưu thế gần gũi về địa lý. Ngoài các nước Đông Nam Á và Trung Quốc, Đài Loan có vị trí địa lý gần nhất với Việt Nam và cùng nằm trên tuyến đường biển Đông Tây- Bắc Nam. Sự gần kề về địa lý là yếu tố địa- kinh tế là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Đài Loan.

Thứ hai là sự tương đồng về văn hoá. Việt Nam và lãnh thổ Đài Loan đều chịu ảnh hưởng của vùng văn hoá Nho giáo. Phong tục tập quán giống nhau, cả hai đều coi trọng luân lý gia đình và xem gia đình là nền tảng của xã hội và coi trọng chữ tín trong giao tiếp. Sinh sống trong môi trường lịch sử và văn hoá như vậy nên nhân dân Việt Nam và cư dân lãnh thổ Đài Loan đều là những con người cần cù sáng tạo trong lao động, dũng cảm chống thiên tai và địch họa. Văn hoá, lối sống giống nhau giúp cho các thương

nhân Đài Loan khi đến kinh doanh và làm việc đã nhanh chóng thích nghi với nếp sống và môi trường Việt Nam. Những điểm tương đồng về văn hoá không phải là yếu tố kinh tế, song nó có thể tạo thành một cơ sở xuất phát thuận lợi cho việc thiết lập các quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Đài Loan.

Quan hệ kinh tế Việt Nam- Đài Loan phù hợp với mô thức phân công lao động quốc tế, quan hệ kinh tế Bắc-Nam. Đó là: Đài Loan là khu vực công nghiệp mới, Việt Nam thuộc các nước đang phát triển, thu nhập thấp. Trong mô thức quan hệ kinh tế Bắc - Nam, các nước phía Bắc xuất khẩu hàng hoá công nghiệp, còn các nước phía Nam xuất khẩu nguyên liệu, các mặt hàng nông lâm thủy sản ở dạng thô và sơ chế. Hai bên vẫn cần bổ sung cho nhau trong mô thức phân công lao động quốc tế. Đài Loan cũng như các nước công nghiệp khác cần nguyên liệu, năng lượng, lực lượng lao động của các nước đang phát triển và cả thị trường đầu tư, chuyển giao công nghệ theo mô thức “đàn nhận bay”. Việt Nam cần vốn và công nghệ của Đài Loan để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ngoài những yếu tố nêu trên, giữa Việt Nam và Đài Loan xuất hiện một nhân tố đó là quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Theo thống kê, tính tới nay có hơn 100.000 cô gái Việt Nam lấy chồng Đài Loan. Từ mối quan hệ hôn nhân đó góp phần tăng thêm sự trao đổi thông tin, giao lưu, hiểu biết giữa hai bên ngày càng được tăng cường. Thực tế cho thấy, nhiều chú rể người Đài Loan đã đầu tư, kinh doanh và cư trú dài hạn tại Việt Nam.

4. Lực đẩy từ phía Đài Loan

Về phía Đài Loan, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó có việc đề ra và thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đài Loan đã thành công trong việc chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp hiện đại và văn minh, trở

thành một trong những con rồng của nền kinh tế Châu Á. Thế nhưng bắt đầu từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX, các doanh nghiệp Đài Loan đã gặp phải rất nhiều khó khăn như: giá thành nhà xưởng tăng cao, đồng Đài tệ tăng giá, giá nhân công đắt đỏ, từ đó tạo cho chi phí sản xuất lớn, giá thành sản phẩm tăng cao làm cho sức cạnh tranh của sản phẩm bị suy giảm, đồng thời còn phải chịu áp lực cạnh tranh từ các nước công nghiệp mới khiến cho loại hình gia công chế biến tập trung nhiều sức lao động truyền thống không còn thích hợp. Thêm vào đó là những quy định nghiêm ngặt về môi trường cùng với việc phải đầu tư rất nhiều chi phí cho môi trường, giải quyết ô nhiễm khi sản xuất. Chính vì vậy, môi trường đầu tư tại chỗ của Đài Loan nảy sinh nhiều vấn đề khó khăn, hạn chế đến quy mô và sự phát triển bình thường của nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cùng lúc, đây là giai đoạn Đài Loan triển khai mạnh mẽ chiến lược xây dựng các ngành tập trung nhiều vốn kỹ thuật cao, thực hiện mạnh mẽ hơn chiến lược quốc tế hoá nền kinh tế Đài Loan. Đứng trước tình hình đó, nhiều xí nghiệp vừa và nhỏ Đài Loan phải nhanh chóng mở rộng quy mô, cải tiến trang thiết bị và công nghệ mới, hiện đại hơn, chuyển giao những kỹ thuật đã kém sức cạnh tranh sang các thị trường khác. Tất cả những khó khăn kể trên đã khiến cho nhiều doanh nghiệp Đài Loan phải tìm kiếm môi trường kinh doanh mới phù hợp, và lựa chọn đúng đắn nhất là đầu tư ra nước ngoài. Việt Nam là thị trường thích hợp cho các doanh nghiệp Đài Loan. Bởi vì, đa phần các công nghệ chuyển giao từ Đài Loan đều tương đối phù hợp với nhu cầu trình độ kinh doanh, sản xuất của các xí nghiệp Việt Nam, điều đó tạo không gian

rộng lớn cho các hoạt động đầu tư của Đài Loan diễn ra tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, là khả năng về nguồn vốn của Đài Loan. Sau mấy chục năm phát triển, Đài Loan đã có một khối lượng dự trữ vốn khá lớn. Tỷ lệ dự trữ trên GNP của Đài Loan từ những năm 1970 luôn đạt mức 30% (trừ một vài năm có biến động đặc biệt). Tỷ lệ dự trữ ngoại tệ cũng không ngừng tăng lên, năm 1980 đạt 2,2 tỷ USD; năm 1985: 22,5 tỷ USD; năm 1990: 72,4 tỷ USD; năm 1995: 90,3 tỷ USD và năm 2001: 122,2 tỷ USD. Đây là nhân tố tự nhiên thúc đẩy các doanh nghiệp Đài Loan tìm cách đầu tư ra ngoài, cũng là yếu tố hết sức thuận lợi để Việt Nam khai thác tận dụng.

Mặt khác, nếu đầu tư vào Trung Quốc đại lục trong bối cảnh quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan vẫn còn tiềm ẩn những bất ổn về chính trị, các doanh nghiệp Đài Loan luôn có cảm giác bất an, tính rủi ro lớn. Chính quyền Đài Loan quyết định chuyển hướng đầu tư bằng “chính sách hướng nam”. khuyến khích các doanh nghiệp của mình hướng hoạt động đầu tư vào thị trường Châu Á-Thái Bình Dương, đặc biệt đầu tư vào các nước Đông Nam Á, tăng cường quan hệ đầu tư kinh doanh giữa Đài Loan với các nước trong khu vực, tránh quá tập trung đầu tư vào Trung Quốc mà phụ thuộc quá độ về kinh tế, mất đi những tính toán về chính trị. Việt Nam chính là một trong những nơi “thủ thế” thích hợp phân tán những rủi ro khó lường cho các doanh nghiệp Đài Loan, được coi là thị trường trọng điểm cần khai thác, chiếm lĩnh trong “chính sách hướng nam” nói trên.

5. Sức hút của môi trường đầu tư Việt Nam

Trước hết, Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới nền kinh tế, kêu gọi đầu tư nước ngoài, mở ra nhiều cơ hội chưa từng có cho các doanh nghiệp nước ngoài nói chung, các

doanh nghiệp Đà Loan nói riêng tiến hành đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.

Việt Nam nằm ở trung tâm khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế năng động nhanh nhất thế giới. Chỉ cần 3 giờ đồng hồ có thể bay từ Việt Nam đến Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Manila và Kuala Lumpur. Việt Nam là nước duy nhất ở khu vực Đông Nam Á xuất siêu cả hai mặt hàng là lương thực và năng lượng. Tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, có trữ lượng dầu đáng kể và hiện tại là nước khai thác dầu mỏ thứ 4 trong khu vực. Việt Nam đã phát hiện ra những nguồn khí gas tự nhiên. Điều này có nghĩa là Việt Nam sắp chuyển sang một giai đoạn mới có thể tự cung cấp nguồn nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất trên cả nước.

Điều quan trọng là Việt Nam tự xây dựng uy tín cho mình trước các doanh nghiệp nước ngoài bởi các yếu tố: lực lượng lao động dồi dào, có trình độ giáo dục cao, chăm chỉ, thông minh, rất khéo tay, chi phí nhân công thấp nhưng lao động có hiệu quả.

Không giống như các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á thường gặp các vấn đề mâu thuẫn về tôn giáo và sắc tộc. Sự ổn định về chính trị và sự bền vững về thể chế là điểm nổi bật của Việt Nam. Đất nước và con người Việt Nam thân thiện với bạn bè quốc tế, tỷ lệ tội phạm rất thấp, không có khủng bố, là điểm đến an toàn với nhiều thắng cảnh và khu giải trí hấp dẫn. Nền kinh tế tăng trưởng ở mức cao và ổn định là những tiêu chí vô cùng quan trọng, đảm bảo cho các nhà đầu tư nước ngoài an tâm khi lựa chọn Việt Nam làm địa điểm đầu tư và kinh doanh. Môi trường đầu tư ở Việt Nam ngày càng được cải thiện, thủ tục đầu tư được đơn giản hoá nhằm tăng sức cạnh tranh thu hút nguồn vốn của các dòng đầu tư.

Chính phủ Việt Nam rất coi trọng nguồn vốn nước ngoài đã có nhiều chính sách thông thoáng, ưu đãi thu hút nguồn vốn đầu tư. Các

nhà đầu tư Đài Loan ở Việt Nam được pháp luật đảm bảo. Ngày 21/4/1993 giữa Việt Nam - Đài Loan đã ký Hiệp định bảo hộ đầu tư. Ngày 6/4/1998 đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Chính phủ Việt Nam đánh giá cao hoạt động đầu tư của phía Đài Loan, cho phép thành lập Hiệp hội doanh nhân Đài Loan tại Việt Nam, thường xuyên tổ chức Hội nghị "Doanh nghiệp thường niên Việt Nam- Đài Loan" để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hai bên trực tiếp trao đổi về khả năng hợp tác đầu tư, thương mại và ký kết hợp đồng kinh tế. Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam(VCCI) liên tục kết hợp với Hiệp hội Hợp tác kinh tế quốc tế Đài Loan (CIECA) tổ chức những Đoàn xúc tiến thương mại và đầu tư tới Đài Loan cung cấp những thông tin về thị trường, kêu gọi các nhà doanh nghiệp Đài Loan đến đầu tư tại Việt Nam hơn nữa.

Ngày 8/11/2006, việc Việt Nam gia nhập WTO mở ra nhiều cơ hội đầu tư thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp Đài Loan khi đầu tư vào thị trường hấp dẫn này. Sau chuyến viếng thăm Việt Nam vào tháng 7 năm 2006 tham dự Diễn đàn kinh tế - thương mại Việt Nam- Đài Loan, các đại biểu Đài Loan đánh giá Việt Nam là nơi đầu tư lý tưởng cho các nhà đầu tư Đài Loan và kêu gọi Chính quyền lẫn khu vực tư nhân ở Đài Loan tăng cường các mối quan hệ hơn với Việt Nam và coi Việt Nam như một cửa ngõ thâm nhập vào khối ASEAN+3 nhằm tránh thua thiệt về mặt kinh tế.

Các nhà đầu tư Đài Loan đã tìm ra mô hình đầu tư thích hợp, hiệu quả đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam và Đài Loan. Nguyên nhân thành công của nhiều dự án đầu tư của Đài Loan là do quy mô đầu tư của phần lớn các dự án thuộc loại vừa và nhỏ. Do đó, việc triển khai sản xuất kinh doanh và việc quay vòng vốn diễn ra khá nhanh, thuận lợi so với các nhà đầu tư nước ngoài khác tập trung vào

kinh doanh bất động sản “khách sạn, văn phòng, căn hộ, khu đô thị mới...” thay vào đó các nhà đầu tư Đài Loan lại chú trọng đến lĩnh vực công nghiệp, nhất là công nghiệp nhẹ “chủ yếu là hàng dệt may, giày dép” và tung ra thị trường nhiều mặt hàng có nhu cầu cao như: hàng điện gia dụng, xe đạp, phụ tùng xe máy, xe máy, dây cáp điện, điều hoà không khí, sơn... Hơn 90% các doanh nghiệp Đài Loan làm ăn và kinh doanh có lãi tại Việt Nam, nhiều dự án của doanh nhân Đài Loan trở thành điển hình về sự thành công đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.. Chính sự thành công của các doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam là sự quảng cáo tuyệt vời, là thời nam châm tạo sức hút các doanh nghiệp Đài Loan tìm đến đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Một yếu tố quan trọng là Đài Loan và Việt Nam đã lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội (tháng 9/1992) và Đài Bắc (tháng 7/1993). Việc thiết lập cơ quan đại diện kinh tế- văn hoá đã tạo rất nhiều thuận lợi, giúp doanh nghiệp hai bên nắm bắt và tận dụng cơ hội hợp tác đầu tư, làm cho hoạt động đầu tư ngày càng trở nên thiết thực và hiệu quả. Có thể khẳng định, trong hơn mười năm hoạt động Văn phòng đại diện đã phát huy tích cực vai trò tìm hiểu khai thác những lĩnh vực có thể hợp tác giữa hai bên và giải quyết, xử lý nhiều tình huống cụ thể, tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp thực hiện tốt dự án đầu tư đã ký kết.

Các nhà doanh nghiệp Đài Loan nhận thấy với những thuận lợi nêu trên, Việt Nam là điểm đầu tư nhiều hứa hẹn, giàu tiềm năng, đem lại nguồn lợi hấp dẫn, bổ sung những thiếu hụt trong quá trình phát kinh tế của Đài Loan. Với khả năng nắm bắt, tận dụng thời cơ linh hoạt, nhiều thương gia Đài Loan đã sớm có mặt trên thị trường Việt Nam, ngay những năm đầu Việt Nam mở cửa kêu gọi đầu tư nước ngoài. Nhiều năm qua, các doanh nghiệp Đài Loan đã khẳng

định vị trí hàng đầu trong các luồng đầu tư nước ngoài và trở thành đối tác kinh tế quan trọng và hiệu quả của Việt Nam.

6. Thách thức và triển vọng

Song song với những điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư Đài Loan vào Việt Nam vẫn còn tồn tại những trở ngại ở phía Việt Nam: môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, thiếu chiến lược, quy hoạch cụ thể để thu hút FDI; chính sách khuyến khích FDI chưa thực sự hấp dẫn; vấn đề tham nhũng chưa được giải quyết triệt để; thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp, khiến cho các doanh nghiệp nước ngoài mất nhiều thời gian, kể cả chi phí tốn kém khi lo các thủ tục phê duyệt đầu tư; bất cập trong việc triển khai giải phóng mặt bằng, làm chậm tiến độ triển khai các dự án đầu tư; sự lạc hậu về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật; cước phí bưu điện, dịch vụ viễn thông, giá điện tiêu dùng và kinh doanh cao; hệ thống nhà xưởng, bến bãi, thiếu thốn, trang thiết bị chưa hoàn thiện; vẫn còn một số lao động người Việt Nam chưa thích nghi được với nền nếp kỷ luật trong xí nghiệp, còn có những phản ứng không đúng với quy định trong lao động... Những vấn đề nêu trên đã gây trở ngại đối với công việc kinh doanh, sản xuất đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư tại Việt Nam, tất nhiên không loại trừ các doanh nghiệp Đài Loan đã phân nào làm giảm sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Mặt khác, với chính sách thu hút đầu tư tích cực, thông thoáng, các nước khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc lục địa đang ngày càng trở nên địa chỉ hấp dẫn đối với nhiều doanh nghiệp nước ngoài. Do vậy, Việt Nam luôn đứng trước tình thế cạnh tranh gay gắt với các nước xung quanh, đặc biệt là thị trường Trung Quốc.

Đứng trước tình hình đó, phía Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực thực hiện những chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài, tạo nên một môi trường

đầu tư hấp dẫn, có tính cạnh tranh cao để Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các doanh nghiệp Đài Loan nói riêng và các nhà đầu tư nước ngoài nói chung. Và quan trọng nhất, hai bên thực sự đều có nhu cầu thúc đẩy mạnh mẽ và hiệu quả quan hệ hợp tác kinh tế. Vì vậy, có thể khẳng định, hai bên sẽ cùng phối hợp, tìm kiếm những giải pháp tích cực và hiệu quả tìm cách khắc phục và tháo gỡ những khó khăn. Chúng tôi tin rằng quan hệ hợp tác đầu tư phi chính phủ giữa Việt Nam và lãnh thổ Đài Loan chắc chắn sẽ được tăng cường và ngày càng phát triển. Các thông tin dưới đây là một minh chứng rõ nét cho nhận định trên.

Theo Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ kế hoạch và Đầu tư, các tập đoàn lớn hàng đầu của Đài Loan như: Chinfon, Formosa, Uni-President, Pou Chen, Vedan, TaYa, Thiên Hưng đang tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư tại Việt Nam. Đồng thời, đi theo các tập đoàn hàng đầu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Đài Loan, đa phần các doanh nghiệp này là vệ tinh cho các tập đoàn lớn, do vậy khi tập đoàn lớn chuyển hướng sang Việt Nam thì họ cũng phải tính toán chuyển hướng đầu tư theo. Ông Âu Gia Thụy- Cục trưởng Cục đầu tư Đài Loan nhận định “Với chính sách đầu tư về hướng Nam của Đài Loan, Việt Nam là sự lựa chọn ưu tiên của doanh nhân Đài Loan trong chiến dịch chuyển dịch đầu tư sắp tới, chuẩn bị có làn sóng đầu tư mới của Đài Loan vào Việt Nam. Chỉ trong vòng 3- 4 năm tới, vốn đầu tư của các doanh nghiệp Đài Loan vào Việt Nam ước tính mỗi năm tăng khoảng 10%, sẽ vượt con số 11 tỷ USD”.

Tóm lại, trong bối cảnh quốc tế và tình hình khu vực có nhiều biến đổi. Các mối quan hệ ngày càng rộng mở, xu hướng toàn

cầu hoá mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế trở thành trào lưu chung của thế giới. Việt Nam và Đài Loan đều hoà mình vào dòng chảy chung của thời đại - dòng chảy của toàn cầu hoá nền kinh tế quốc tế. Các nhà doanh nghiệp Đài Loan và Việt Nam gặp gỡ nhau trong bối cảnh Đài Loan tích cực thực hiện mạnh mẽ chiến lược quốc tế hoá nền kinh tế (lực đẩy Đài Loan); Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài với môi trường đầu tư hấp dẫn (sức hút Việt Nam). Hai bên cùng gặp nhau tại điểm giao thoa về lợi ích và mục tiêu kinh tế. Hợp tác đầu tư là nhu cầu, xu hướng tất yếu trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế của mỗi bên. Với hai động lực chính nói trên là yếu tố quyết định hình thành, thúc đẩy sự thành công quan hệ hợp tác đầu tư Đài Loan-Việt Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phùng Thị Huệ, *Hợp tác đầu tư Đài Loan – Việt Nam thành tựu, vấn đề và triển vọng*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 3,4 năm 2004.
2. Nguyễn Trần Quế, *Vai trò của Đài Loan trong phát triển kinh tế đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới và triển vọng*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2- 2003.
3. Dương Văn Lợi, *Quan hệ mậu dịch Việt Nam- Đài Loan: Mô thức phân công lao động quốc tế*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2, 3 năm 2002.
4. Hoài Nam, *Triển vọng hợp tác kinh tế văn hoá phi chính phủ giữa Việt Nam với lãnh thổ Đài Loan*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 6 năm 2004.
5. *Tài liệu Tổ Kinh tế – Văn phòng Đại diện Kinh tế – Văn hoá Đài Loan tại Hà Nội*, tháng 9 năm 2006.